

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **48** /GPMT-UBND

Quảng Trị, ngày **13** tháng **6** năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông báo số 727/TB-HĐTD ngày 13/3/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Dự án “Khai thác mỏ cát Vĩnh Tú, xã Vĩnh Tú, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị”;

Xét nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Dự án “Khai thác mỏ cát Vĩnh Tú, xã Vĩnh Tú, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị” đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản giải trình số 32/DN-HPQT ngày 25/5/2023 của Công ty Cổ phần khai thác khoáng sản Hưng Phát Quảng Trị;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2076/TTr-STNMT ngày 06/6/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần khai thác khoáng sản Hưng Phát Quảng Trị, địa chỉ tại đường Lê Duẩn, thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Khai thác mỏ cát Vĩnh Tú, xã Vĩnh Tú, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án:

1.1. Tên Dự án: Khai thác mỏ cát Vĩnh Tú, xã Vĩnh Tú, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

1.2. Địa điểm hoạt động: xã Vĩnh Tú, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị.

1.3. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 27/6/2016, cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 21/4/2017.

1.4. Mã số thuế: 3200628943.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực khai thác, chế biến khoáng sản có tổng mức đầu tư là 3.419.835.000 đồng, có tiêu chí thuộc dự án nhóm C. Dự án có tiêu chí môi trường tương đương dự án nhóm II quy định tại mục số 09, phụ lục IV, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, thuộc đối tượng phải lập GPMT theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư/cơ sở:

- Phạm vi, quy mô diện tích: Dự án có tổng diện tích 9,96 ha (trong đó: khu mỏ diện tích 9,46 ha, khu vực tuyển rửa diện tích 0,5 ha), được thực hiện tại xã Vĩnh Tú, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị. Với các hạng mục công trình như sau:

TT	Hạng mục đầu tư	Đơn vị	Diện tích	Ghi chú
I	Hạng mục chính			
1	Khu mỏ khai thác	ha	9,46	Chưa khai thác
2	Khu tuyển rửa cát (1.100m ²) + chứa sản phẩm (1.900m ²)	m ²	3.000	Đã xây dựng
II	Hạng mục phụ trợ			
3	Nhà làm việc + nhà ở công nhân	m ²	400	Đã xây dựng
4	Sân đường nội bộ		475	
III	Hạng mục BVMT			
5	Hồ lắng	m ²	1.200	Đã xây dựng
6	Kho chứa CTR, CTNH		10	

- Công suất:

+ Công suất khai thác của dự án là 47.000 m³/năm.

+ Tổng trữ lượng mỏ khai thác: 1.405.299 m³.

+ Tổng trữ lượng nguyên khai: 1.355.000 m³ (trữ lượng được khai thác còn lại là 1.039.000 m³).

+ Tuổi thọ của mỏ: 30 năm (thời gian khai thác đến năm 2045 là 23 năm).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về BVMT kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần khai thác khoáng sản Hưng Phát Quảng Trị có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 13 tháng 6 năm 2023 đến ngày 13 tháng 6 năm 2033).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án theo quy định của pháp luật./. *th*

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần khai thác khoáng sản Hưng Phát Quảng Trị;
- Chủ tịch, PCT Hà Sỹ Đồng;
- Giám đốc Sở TN&MT;
- UBND huyện Vĩnh Linh;
- UBND xã Vĩnh Tú;
- Trang TTĐT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT(Th). *th*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Sỹ Đồng

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
Dự án: Khai thác mỏ cát Vĩnh Tú, xã Vĩnh Tú, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 48 /GPMT-UBND ngày 13/6/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nước thải sinh hoạt của 12 cán bộ, nhân viên.
- Nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất của Dự án được tuần hoàn tái sử dụng cho quá trình sản xuất, không xả thải ra môi trường nên không đề nghị cấp phép.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Nước thải sinh hoạt sau xử lý ở hệ thống hầm tự hoại 5 ngăn sẽ tự thấm vào đất khu vực Dự án và bùn thải định kỳ thuê đơn vị Môi trường đô thị hút và đưa đi xử lý.

2.2. Vị trí xả nước thải

Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý bằng bể tự hoại 5 ngăn và thấm vào đất trong khu vực Dự án. Tọa độ vị trí xả thải: X: 1.893.087; Y: 583.300 (Hệ tọa độ VN200, KTT 106°15', múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất

Phát sinh khoảng 1,2 m³/ngày.đêm ≈ 0,05 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý bằng bể tự hoại 5 ngăn và thấm vào đất trong khu vực Dự án theo phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải:

Xả thải liên tục trong ngày (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

Bảng 1. Giá trị giới hạn cho phép chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K = 1,2)
1	pH		5-9
2	BOD ₅	mg/l	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Sunfua	mg/l	4,8
5	Amoni	mg/l	12
6	Nitrat (NO ₃ ⁻)	mg/l	60
7	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
8	Photphat (PO ₄ ³⁻)	mg/l	12
9	Coliforms	MPN/100ml	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt: Được thu gom bằng ống PVC Ø110 từ nhà vệ sinh dẫn vào bể tự hoại 05 ngăn với thể tích 10 m³ để xử lý.

- Đối với nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn tuyển rửa cát với khối lượng khoảng khoảng 239,7 m³/ngày, thành phần nước thải chủ yếu là chất rắn lơ lửng sẽ được thu gom về hồ lắng 2 ngăn, kích thước (D×R×C) các ngăn lần lượt là: (40×25×3)m, (12×8×3)m thể tích chứa 3.088m³, có đáy và thành hồ được lót bạt HDPE dày 0,5mm để xử lý bằng mương bê tông có kích thước R×C=(0,5×0,5)m. Nước thải sau xử lý sẽ được bơm tuần hoàn trở lại moong đang khai thác bằng đường ống HDPE 600 để hòa trộn cát vào bồn chứa, tái sử dụng cho quá trình sản xuất, không xả thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Nước thải sinh hoạt sau xử lý ở hệ thống hầm tự hoại 5 ngăn với thể tích 10 m³ sẽ tự thấm vào đất khu vực Dự án và bùn thải định kỳ thuê đơn vị Môi trường đô thị hút và đưa đi xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Thời gian vận hành thử nghiệm kéo dài 03 tháng. Trong giai đoạn vận hành thử nghiệm, lượng nước thải phát sinh dự kiến khoảng 1,2 m³/ngày.

Kế hoạch dự kiến vận hành thử nghiệm như sau:

Tên công trình	Thời gian vận hành thử nghiệm		Công suất đạt được
	Bắt đầu	Kết thúc	
Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	ngày 01/4/2023	ngày 01/7/2023	100%

Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh chủ yếu là các chất hữu cơ, TSS và vi sinh vật... Công nghệ xử lý nước thải dự kiến là bể tự hoại 5 ngăn thể tích 10 m³/ngày. Khi có sự cố hoặc xử lý nước thải không đạt chuẩn thì tạm dừng hệ thống để sửa chữa và khắc phục.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải hải vận hành thử nghiệm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

- Chất ô nhiễm: pH, BOD5, COD, TSS, Coliform

- Giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột B, K = 1,2).

2.3 Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Quản lý và xử lý nước thải phát sinh trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn tại QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1,2) khi thoát ra môi trường.

- Thực hiện chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn thi công theo nội dung của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và báo cáo kết quả quan trắc về Sở Tài nguyên và Môi trường.

* *Giám sát môi trường nước mặt*

- Vị trí giám sát: 02 vị trí

+ 01 vị trí tại khe Thủy Tú cách khu mỏ khoảng 100m về hạ lưu;

+ 01 vị trí tại khe Thủy Tú cách khu mỏ khoảng 100m về thượng lưu;

- Thông số giám sát: pH, DO, TSS, BOD, COD, Fe, Dầu mỡ, Coliform.

- Thời gian và tần suất giám sát: Tần suất giám sát 06 tháng/lần và giám sát đột xuất khi có sự cố môi trường hoặc có yêu cầu của chính quyền địa phương.

- Tiêu chuẩn, Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT.

* *Giám sát môi trường nước dưới đất*

- Vị trí giám sát: 01 vị trí;

+ 01 vị trí tại giếng khoan trong khu vực nhà máy;

- Thông số giám sát: mực nước dưới đất, pH, TDS, Độ cứng, $\text{NH}_4\text{-N}$, $\text{NO}_3\text{-N}$, Clorua, Sunphat, Fe, Coliform, E.coli.

- Thời gian và tần suất giám sát: Tần suất giám sát 06 tháng/lần và giám sát đột xuất khi có sự cố môi trường hoặc có yêu cầu của chính quyền địa phương.

- Tiêu chuẩn, Quy chuẩn so sánh: QCVN 09-MT:2015/BTNMT.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

Dự án: Khai thác mỏ cát Vĩnh Tú, xã Vĩnh Tú, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **48** /GPMT-UBND ngày **13** / **6** /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Quá trình hoạt động của Dự án đầu tư chỉ phát sinh bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông và bụi từ quá trình bốc xúc cát. Các nguồn phát sinh này đều được giảm thiểu bằng các biện pháp quản lý nội vi. Do đó, Chủ Dự án đầu tư không đề nghị cấp phép đối với khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc trực tiếp, đặc biệt đối với khu vực bốc xúc tại mỏ và bãi thành phẩm.
- Khai thác theo hình thức cuốn chiếu từ phía Nam đến Bắc, tránh khai thác tràn lan làm ảnh hưởng đến cảnh quan cũng như phát tán bụi từ quá trình bốc xúc.
- Thường xuyên phun nước các tuyến đường vận chuyển trong những ngày nắng ráo. Tần suất phun nước tối thiểu khoảng 04 lần/ngày. Thời gian phun là buổi sáng (7h và 10h), buổi chiều (13h-16h). Chủ dự án sẽ sử dụng ống nước PVC Ø100mm, được đục lỗ 5mm dọc theo chiều dài ống, ống phun được nối với bồn chứa nước trên xe xitec và đặt nằm ngang theo chiều rộng của xe. Các đoạn đường cần phun chủ yếu đi qua khu dân cư thôn Huỳnh Công Đông, xã Trung Nam và thị trấn Hồ Xá.
- Sử dụng bạt che kín các thùng xe khi vận chuyển cát, không chở quá khổ, quá trọng tải thiết kế.
- Hằng ngày bố trí công nhân quét dọn thu gom bụi đất tại các điểm giao của tuyến đường vào khu vực dự án với các tuyến vận chuyển chính.
- Các phương tiện chuyên chở đều được kiểm tra chất lượng và có Giấy Chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Quản lý và xử lý bụi, khí thải phát sinh từ quá trình thi công xây dựng của dự án bảo đảm QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng

không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

- Thực hiện chương trình quan trắc môi trường theo nội dung của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường bao gồm:

** Quan trắc môi trường không khí, tiếng ồn và độ rung*

- Vị trí giám sát: 04 vị trí:

+ 01 điểm tại moong khai thác của khu mỏ.

+ 01 điểm tại bãi chứa sản phẩm.

+ 01 điểm trên đường vận chuyển đoạn vào khu mỏ.

+ 01 điểm tại khu dân cư thôn Thử Luật, xã Vĩnh Thái.

- Thông số giám sát: Bụi lơ lửng, SO₂, NO₂, CO, tiếng ồn và độ rung.

- Thời gian và tần suất giám sát: Tần suất giám sát 06 tháng/lần và giám sát đột xuất khi có sự cố môi trường hoặc có yêu cầu của chính quyền địa phương.

- Tiêu chuẩn, Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT; QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 27:2010/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Dự án: Khai thác mỏ cát Vĩnh Tú, xã Vĩnh Tú, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **48** /GPMT-UBND ngày **13** / **6** /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện giao thông và hoạt động của máy móc vận hành. Tuy nhiên, nguồn phát sinh nhỏ và không thường xuyên. Do đó, Dự án không đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.

B. YÊU CẦU BVMT ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Định kỳ bảo dưỡng, thay thế máy móc thiết bị phát sinh tiếng ồn cao.
- Đầu tư các máy móc thiết bị mới, hiện đại để đáp ứng với công suất cấp phép, đồng thời ít gây ồn, không sử dụng các thiết bị và dụng cụ sản xuất cũ có tiếng ồn lớn.
- Công nhân được trang bị đầy đủ các bảo hộ lao động.
- Quá trình hoạt động không tập trung nhiều máy móc có khả năng gây tiếng ồn cùng hoạt động tại một thời điểm và địa điểm.
- Các phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị sử dụng bắt buộc phải có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và BVMT phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.
- Các phương tiện giao thông và máy móc không được hoạt động trong giờ cao điểm để tránh gây ảnh hưởng đến đời sống người dân.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định.
- Quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của dự án đảm bảo đạt quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT, QCVN 24:2016/BYT.

Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

Dự án: Khai thác mỏ cát Vĩnh Tú, xã Vĩnh Tú, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 48 /GPMT-UBND ngày 13 / 6 /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

- Chủng loại:
 - + CTNH từ hoạt động bảo dưỡng, bảo trì chủ yếu là can, thùng đựng dầu, nhớt thải, giẻ lau dính dầu mỡ.
 - + Bóng đèn huỳnh quang hỏng, mực in, pin từ hoạt động văn phòng.

STT	Chủng loại	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Rắn	17 02 04	01 kg/tháng
2	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	Rắn	17 06 01	
3	Giẻ lau, vải bảo vệ thải nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	03 kg/tháng
4	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	
5	Pin, Ấc quy	Rắn	16 01 12	
6	Hộp mực in	Rắn	08 02 04	

- Khối lượng: CTNH ước tính phát sinh khoảng 4 kg/tháng.

1.2. Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường phát sinh

- Chủng loại: Thành phần CTR sản xuất là bùn từ hồ lắng.
- Khối lượng: Khối lượng khoảng 100kg/ngày

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

- Chủng loại: Thức ăn thừa, bao bì nilon, bìa carton, giấy loại, hộp nhựa, chai, lon bia,.... Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt hàng ngày của 12 CBCNV.

- Khối lượng: Khối lượng ước tính phát sinh 6 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

Thu gom, phân loại lưu trữ vào 01 thùng chứa loại 60L có nắp đậy đặt ở kho chứa CTNH. Sau đó, hợp đồng định kỳ với đơn vị có năng lực vận chuyển đưa đi xử

lý theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường

Thành phần CTR sản xuất (bùn từ hồ lắng) có nguồn gốc hữu cơ là chủ yếu, do đó, biện pháp xử lý bằng cách đưa toàn bộ CTR phát sinh hoàn thổ lại các khoảnh đã khai thác và tiến hành trồng cây CTPHMT.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Chủ dự án sẽ tiến hành phân loại theo quy định tại Điều 75 Luật BVMT 2020, trong đó được chia thành các loại CTR có khả năng tái sử dụng, tái chế như chai nhựa, chai thủy tinh, túi nilon còn có khả năng sử dụng; chất thải thực phẩm như thức ăn thừa, rau, củ quả thải,... và CTR sinh hoạt khác như bao bì ni lon hỏng, giấy lau,... Các CTR này sẽ được lưu chứa trong 03 thùng đựng rác loại có nắp đậy. Định kỳ 1 tuần/lần sẽ thuê Trung tâm Môi trường và Đô thị huyện Vĩnh Linh thu gom, xử lý.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

Trong quá trình khai thác để phòng ngừa sự cố cháy nổ, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu sau:

- Phương tiện vận chuyển đảm bảo các điều kiện về phòng cháy chữa cháy theo quy định.
- Xây dựng phương án phòng chống cháy nổ và ứng phó sự cố cháy nổ trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt.
- Trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy, chữa cháy.
- Không hút thuốc, không mang bật lửa, diêm quẹt, các dụng cụ phát ra lửa khi ra vào các khu vực dễ cháy nổ.
- Các chất dễ cháy như xăng, dầu được lưu giữ ở những nơi cách ly riêng biệt.
- Thành lập đội PCCC, mua trang thiết bị, xây dựng nội quy và phối hợp với các Cơ quan PCCC để tập huấn cho đội và định kỳ tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội quy đã định.
- Khi xảy ra sự cố cháy, nổ, Công ty sẽ báo ngay cho lực lượng chức năng và chính quyền địa phương biết để phối hợp thực hiện, trường hợp đám cháy nhỏ cán bộ trực bảo vệ cần nhanh chóng sử dụng các phương tiện PCCC như bình cứu hỏa để dập tắt đám cháy, tránh để cháy lan gây nguy hiểm. Đồng thời, thông báo cho cán bộ công nhân và người dân làm việc lân cận để kịp thời di tản xa khu vực nguy hiểm.

2. Phòng ngừa sự cố tai nạn lao động

- Tổ chức tập huấn an toàn lao động cho toàn bộ công nhân sau khi được tuyển dụng để có những phương án kịp thời ứng cứu nạn nhân khi có sự cố xảy ra.

- Trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho CBCNV, đồng thời giám sát, nhắc nhở công nhân phải mang theo bảo hộ lao động khi làm việc.

- Đối với công nhân kỹ thuật sẽ thường xuyên được đào tạo nâng cao chuyên môn nhằm vận hành tốt và an toàn các thiết bị máy móc.

- Định kỳ khám sức khỏe cho công nhân ít nhất 2 lần/năm theo Nghị định số 45/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Bộ luật lao động về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động.

- Khi xảy ra tai nạn lao động, CBCNV đã được tập huấn cần phải sơ cứu kịp thời cho nạn nhân, thông báo cho ban lãnh đạo sau đó liên lạc với bộ phận y tế để chuyển tới bệnh viện cấp cứu. Trường hợp, tai nạn lao động có mức độ lớn như sạt lở cát Chủ dự án sẽ thông báo cho chính quyền địa phương và cơ quan có chức năng phối hợp ứng phó, ưu tiên tìm kiếm những nạn nhân bị thương để kịp thời cứu chữa. Sau đó, đánh giá nguyên nhân, trách nhiệm để có phương án phòng ngừa, tránh để tai nạn đáng tiếc xảy ra.

3. Phương án phòng ngừa sự cố tai nạn giao thông

- Để giảm thiểu nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông, Chủ dự án sẽ bố trí biển cảnh báo để báo nguy hiểm cho các phương tiện lưu thông trên tuyến nhất là các điểm giao, ngã rẽ, quy định tốc độ phương tiện vận chuyển của Dự án, phòng ngừa tối đa các nguy cơ tai nạn khi tham gia giao thông.

- Bố trí công nhân thu dọn cát rơi vãi đoạn ngã 3 đường liên xã với đường vào mỏ khai thác.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng tìm hiểu nguyên nhân hư hỏng tuyến đường vận chuyển, kịp thời sửa chữa các tuyến đường hư hỏng nếu do quá trình vận chuyển của dự án gây ra.

- Tưới nước giảm bụi đoạn đi qua các khu dân cư.

- Cam kết vận chuyển đúng tuyến đường đăng ký.

Phụ lục 5
YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Dự án: Khai thác mỏ cát Vĩnh Tú, xã Vĩnh Tú, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: **48** /GPMT-UBND ngày **13** /**6** /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

A. CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1.1. Kế hoạch thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường

- Đối với moong khai thác: Với diện tích mỏ là 9,46 ha tính đến năm khai thác thứ 05 sẽ trả lại mặt bằng cho khu mỏ với diện tích cần cải tạo là 1,68 ha. Để thuận lợi cho hoạt động khai thác nguyên liệu cho nhà máy sản xuất gạch không nung và hạn chế các tác động trong khai thác đến môi trường, Công ty bắt đầu tiến hành CTPHMT cho khu mỏ vào cuối năm khai thác thứ 5 và 5 năm cải tạo một lần. Đến năm thứ 23 cải tạo toàn bộ diện tích còn lại và tháo dỡ các công trình không còn sử dụng.

Với cao trình mỏ 10m – 40m, công nghệ khai thác được lựa chọn là khai thác lộ thiên, từ trên cao xuống để hạ thấp độ cao mỏ, chiều cao tầng khai thác trung bình 10m. Sau khi kết thúc khai thác năm thứ 23, diện tích được khai thác là 6,58ha, diện tích chưa được khai thác là 2,88ha, sẽ san gạt khu vực được khai thác (cao trình trung bình +10 m). Công tác san gạt tạo mặt bằng mỏ được thực hiện cuốn chiếu trong quá trình khai thác, công tác trồng và chăm sóc cây xanh được thực hiện song song trong quá trình khai thác và kết thúc khai thác sẽ tiến hành đóng cửa mỏ.

- Đối với khu vực tuyến rửa, phụ trợ phục vụ khai thác: Kết thúc khai thác sẽ tháo dỡ và san gạt công trình khu tuyến rửa cát, chứa sản phẩm (3.000m²); Nhà làm việc, nhà ở công nhân (400m²); Trạm biến áp (5m²); Kho chứa CTR, CTNH (10m²); Sân đường nội bộ (475m²); San lấp hồ lắng (1.200m²) và trồng cây trên toàn bộ diện tích 5.085m².

1.2. Tiến độ thực hiện phương án CTPHMT

Tiến độ thực hiện phương án CTPHMT như sau:

- Năm khai thác thứ 1: Lắp đặt các biển báo nguy hiểm tại khu vực mỏ.
- Kết thúc khai thác năm thứ 5: Bắt đầu CTPHMT khu vực mỏ khai thác với diện tích 1,68ha và cứ 5 năm tiến hành cải tạo một lần cho đến khi kết thúc khai thác. Công tác cải tạo gồm trồng và chăm sóc cây xanh (keo lá tràm) khu vực mỏ, chăm sóc đảm bảo tỷ lệ sống và phát triển tốt.
- Kết thúc khai thác năm thứ 23: tháo dỡ, san ủi - san lấp công trình, trồng, chăm sóc keo lá tràm trên toàn bộ diện tích dự án. Việc trồng keo lá tràm sẽ thuê lại các tổ

chức ở địa phương để thực hiện như hội phụ nữ, hội nông dân, đoàn thanh niên. Đồng thời kiểm tra, theo dõi và trồng dặm cây đến năm thứ 4. Sau đó sẽ hoàn trả lại đất cho địa phương quản lý.

Bảng tiến độ thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường

TT	Hoạt động	Thời gian thực hiện
1	San gạt khu vực moong khai thác	Trong quá trình khai thác
2	Trồng cây xanh	Cuối năm thứ 5. 5 năm cải tạo 01 lần
3	Tháo dỡ các công trình xây dựng	Kết thúc khai thác (năm thứ 23)
4	Trồng dặm, bảo vệ và chăm sóc cây xanh	Sau khi trồng cây (03 năm)
5	Lắp đặt biển báo	Trước khi đi vào khai thác

1.3. Số tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường

- Tổng số tiền ký quỹ trong phương án CTPHMT: 925.800.000 đồng.

Hiện tại Dự án chưa triển khai vận hành khai thác. Tuy nhiên, Chủ dự án đã tiến hành nộp tiền ký quỹ bảo vệ môi trường từng năm trong thời gian từ năm 2015-2022 với tổng số tiền đã nộp là 163.223.000 đồng.

Tổng số tiền còn lại phải nộp là:

$$925.800.000 \text{ đồng} - 163.221.000 \text{ đồng} = 762.569.000 \text{ đồng}$$

- Phương thức ký quỹ: Số tiền ký quỹ hàng năm được tính bằng tổng số tiền ký quỹ còn lại chia đều cho các năm theo dự án đầu tư hoặc Giấy phép khai thác khoáng sản (số tiền ký quỹ từng lần đều phải tính thêm yếu tố trượt giá).

- Thời điểm ký quỹ theo giấy phép khai thác.

Số tiền ký quỹ còn lại những lần sau (23 năm còn lại) Chủ dự án sẽ ký quỹ là:

$$762.569.000 \text{ đồng} / 23 \text{ năm} = 33.155.174 \text{ đồng/năm (làm tròn 33.155.000 đồng/năm)}.$$

Sau khi kết thúc thời hạn giao đất thực hiện dự án và thực hiện đầy đủ công tác cải tạo phục hồi môi trường, được cơ quan có thẩm quyền xác nhận, Công ty sẽ được nhận lại toàn bộ số tiền này theo quy định.

** Thời điểm ký quỹ*

- Chủ dự án đã thực hiện ký quỹ lần đầu trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

- Việc ký quỹ từ lần thứ hai trở đi được thực hiện trong khoảng thời gian không quá 07 ngày, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền công bố chỉ số giá tiêu dùng của năm trước năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Tại Quỹ Bảo vệ môi trường Quảng Trị.